

HÀNH VI HỎI-THAN TRÁCH TRONG CA DAO VỚI VĂN HÓA ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI VIỆT

CULTURAL FEATURES IN QUESTIONING

AND COMPLAINING ACTS OF VIETNAMESE FOLK - VERSES

HÀ THỊ HỒNG MAI

(ThS, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam)

Abstract

Questioning is a speech act in which questions are used to perform various communicative purposes. In folk - verses, questions are commonly expressed in the form of complaints, advices, making acquaintance, etc... among them complaints are dominant. Politeness in questioning and complaining acts in folk - verses are strategic, not normative, and they are clearly governed by Vietnamese communicative culture of communicators.

1. Mở đầu

Trong hội thoại, văn hóa ứng xử chỉ phối thể diện của người nói và người nghe. Trong văn hóa ứng xử, phép lịch sự là quy tắc mang tính phổ quát đối với mọi xã hội trong tương tác. Tuy nhiên, đối với mỗi một dân tộc, mỗi nền văn hóa lại có những tiêu chuẩn khác nhau về văn hóa ứng xử, hay nói khác đi, tùy từng nền văn hóa mà nội hàm của khái niệm này được thể hiện phù hợp với phong tục, tập quán và thói quen giao tiếp. Hành vi hỏi của người Việt nói chung và hành vi hỏi trong ca dao nói riêng thể hiện khá rõ yếu tố này biểu hiện văn hóa ứng xử của người Việt.

a. Hành vi hỏi và thể diện của người nói và người nghe

Hành vi hỏi là hành vi ngôn ngữ sử dụng câu hỏi để thực hiện các mục đích giao tiếp khác nhau. Ví dụ như, người nói dùng hành động hỏi (tức dùng phát ngôn hỏi) để hỏi - yêu cầu cung cấp thông tin mà người nghe cần biết chưa biết; thực hiện hành vi hỏi để phê phán, để sai khiến, để khẳng định, để phủ định, để trách móc, để tỏ ý nghi ngờ, để ra lệnh v.v.

Cần xem xét hành vi hỏi trong mối quan hệ với thể diện của người nói và người nghe trong hai trường hợp: hành vi hỏi được thực hiện trực tiếp và hành vi hỏi được thực hiện gián tiếp (nhằm hướng tới hiệu lực của hành vi khác).

Khi thực hiện một hành vi hỏi trực tiếp, người nói đã tiềm tàng trong hành động ngôn từ của mình sự đe dọa thể diện cả âm tính và dương tính đối với bản thân người nói và người nghe. Bởi, khi thực hiện hành vi hỏi (với đúng hiệu lực chân thực của hành vi này), người hỏi đã đặt người nghe vào một tình trạng bắt buộc phải trả lời, buộc phải có trách nhiệm với câu phản hồi của mình, chưa kể đến việc người nói có làm phiền người nghe hay không (đe dọa thể diện âm tính của người nghe).

Khi hành vi hỏi được dùng gián tiếp để hướng đến một hiệu lực ở lời của hành vi khác thì việc đe dọa hay tôn vinh thể diện của người nói và người nghe phụ thuộc rất nhiều vào hành động mà hành vi hỏi gián tiếp hướng tới. Chẳng hạn, người nói sử dụng hành vi hỏi để nhằm hướng tới hiệu lực của hành vi nhắc nhở thì hành vi hỏi đó đã đe dọa thể diện dương tính của người nghe (bị mất tự do trong hành động), đe dọa thể diện

ương tính của người nghe (bị mất mặt, xấu hổ), đe dọa thể diện âm tính của người nói (bị hành động của người nghe làm phiền hoặc yêu cầu của mình không được thực hiện, không được tôn trọng,...). Khi lời nhắc nhở đó không được chấp nhận thì thể diện dương tính của người nói cũng bị đe dọa.

Như thế, khi dùng hành vi hỏi gián tiếp để thực hiện một hành vi khác thì người nói cũng sẽ có những chiến lược lịch sự riêng, phù hợp với hành động gián tiếp được thực hiện để có thể đạt được mục đích của mình.

b. Hành vi hỏi và yếu tố văn hóa ứng xử

Hành vi hỏi liên quan mật thiết đến nguyên tắc lịch sự, đến thể diện của người nói và người nghe. Mà lịch sự đối với người Việt lại gắn bó rất chặt chẽ với văn hóa. Do đó, trong khi thực hiện hành vi ngôn ngữ này, cần phải tính nhiều đến yếu tố văn hóa để có thể giảm thiểu được những nguy cơ đe dọa thể diện, đồng thời tính toán được chiến lược lịch sự để đạt được mục đích của mình bởi cấu trúc câu hỏi là điểm chung của nhiều ngôn ngữ nhưng hỏi như thế nào và hỏi để làm gì thì lại

mang đặc trưng văn hóa của từng dân tộc. Văn hóa ứng xử trong mối quan hệ với hành vi hỏi được thể hiện trên các phương diện sau:

- Nội dung hỏi tức là mảng hiện thực khách quan được đề cập đến trong câu hỏi.

- Cách hỏi: thể hiện và bị chi phối nhiều bởi văn hóa ứng xử.

Dưới đây, chúng tôi sẽ tiến hành nghiên cứu cụ thể sự thể hiện lịch sự và các yếu tố văn hóa ứng xử khác của hành vi hỏi trong ca dao người Việt nhằm lí giải hành vi hỏi trong ca dao người Việt từ góc nhìn văn hóa và dụng học.

2. Văn hóa ứng xử và phép lịch sự của hành vi hỏi – than trách trong ca dao người Việt

Dựa vào tư liệu khảo sát trên cơ sở 855 bài ca dao, kết quả thống kê cho thấy hành vi hỏi trong ca dao được sử dụng gián tiếp để thực hiện hành vi than trách là phổ biến nhất (34.7%). Kết quả khảo sát hành vi hỏi – than trách trên ba lĩnh vực: tình yêu nam nữ, tình cảm vợ chồng và lĩnh vực khác (thể sự, số phận cá nhân,...) được thể hiện trong bảng sau:

Tổng số : 855 bài							
Tình yêu nam nữ		Tình cảm vợ chồng		Trung gian (giữa tình yêu nam nữ và tình cảm vợ chồng)		Lĩnh vực khác	
Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
485	56.7	174	20.4	7	0.08	189	22.1

Hành vi hỏi – than trách

Rõ ràng, hành vi hỏi – than trách trong lĩnh vực tình yêu nam nữ chiếm tỉ lệ lớn nhất (56.7%), gấp gần 2.8 lần so với những lời than trách trong lĩnh vực tình cảm vợ chồng.

2.1. Lịch sự trong hành vi hỏi – than trách

Hành vi than trách ở đây chính là sự than thở và trách móc của người nói với đối tượng là người yêu hay vợ/chồng. Khi thực hiện hành vi này, người than trách đã đe dọa thể diện của đối tượng, nhiều hay ít tùy thuộc vào cách người đó nói gần hay nói xa.

Ở mảng đề tài tình yêu nam nữ, những lời than trách chủ yếu hướng về tình yêu không thành, sự không may mắn trong tình duyên, người yêu phụ tình, cha mẹ ngăn cấm, xa cách... Ở mảng đề tài tình cảm vợ chồng, những lời than trách chủ yếu hướng về sự vô trách nhiệm của chồng/vợ đối với gia đình, sự tan vỡ hạnh phúc gia đình, chồng/vợ phản bội, cuộc sống gia đình nghèo khó, vất vả, hay không hòa hợp, không hạnh phúc,...

Hành động hỏi – than trách thường đi kèm với hành động bày tỏ, giải bày. Người nói giải bày nỗi lòng của mình trước như là chiến lược để hướng

người nghe tới thể diện dương tính của mình. Đó là mong muốn được sẻ chia những phiền muộn trong lòng, và đó cũng là cái cớ để người nói trách đối tượng. Bằng cách lấy việc thể diện dương tính của mình bị đe dọa, chủ thể trữ tình đã thực hiện chiến lược đe dọa lại thể diện dương tính của đối tượng. Người bị trách thường vắng mặt trong những bài ca dao than trách. Chủ thể trữ tình gửi gắm nỗi lòng của mình qua những lời than và mức độ lịch sự phụ thuộc vào mức độ trách móc và cách nói bóng gió xa xôi hay nói gần, nói toạc của người nói.

**) Đe dọa thể diện đối tác*

Khi người nói thực hiện cách nói bộc trực, nói « toạc móng heo » thì thể diện dương tính của người nghe bị đe dọa mạnh nhất.

- Mình về mình bỏ ta đây

Như con tơ rối gỡ ngày nào xong

Vì chàng thiếp phải long đong

Những như thân thiếp đã xong một bề

Vì chàng thân thiếp phải ừ ê

Thiếp ở chàng về, chàng tính làm sao?

Cô gái đã chỉ đích thị nguyên nhân làm cho cô phải « long đong », phải « ừ ê » chính là « chàng », « vì chàng » được lặp lại đến hai lần và sau mỗi lần kết tội ấy là một hậu quả nặng nề mà chàng trai đã để cho cô gái phải chịu đựng : « phải long đong », « phải ừ ê ». Sự tổn hại đó không phải về vật chất mà là sự tổn hại tinh thần hết sức nặng nề sau khi « mình về mình bỏ ta đây ».

Gió mùa thu mây mù trắng tối

Anh không nhớ lời thệ hải minh sơn

Nay đã có vợ có con

Phinh duyên em từng chặng, lỡ mối tô son ai đền?

Thói trăng hoa của chàng trai đã bị cô gái lột mặt nạ. « Anh không nhớ lời thệ hải minh sơn » là một cách nói phủ định để khẳng định sự bội thề của chàng trai. Cô gái cũng không ngại ngần gọi tên sự bội bạc của chàng trai là « phinh duyên (lừa tình) và đòi hỏi sự đền bù cho việc « lỡ mối tô son ». Lời trách theo đó mà có thêm sức nặng.

Thể diện dương tính của người nghe sẽ bớt bị đe dọa hơn khi người nói thực hiện những cách nói xa :

Gió thổi hiu hiu, chín chiều ruột thắt

Nhìn sao phương Bắc, nước mắt chảy bên đông

Ai bày chi chuyện vợ chồng chồng

Khiến em phải chịu nặng lòng tư lương

Người nói bóng gió về chuyện vợ chồng xa cách: *không gian hiu quạnh, sao phương Bắc, nước mắt, bên đông, chín chiều ruột thắt*. Thông qua những tín hiệu thăm mĩ đó, người đọc nhận được hàm ý của người nói là sự xa cách, nỗi nhớ thương, đau xót khi vợ chồng phải cách xa, chia lìa. Bóng gió như vậy, người nói không trực tiếp kết tội cho ai hay trách ai.

**) Giữ thể diện cho đối tác*

Dẫu đe dọa thể diện dương tính của đối tượng nhưng người nói vẫn cứ tìm cách để giữ thể diện âm tính cho đối tượng ấy. Thể diện âm tính của người nghe dường như vẫn an toàn bởi người nói không hề gay gắt mà thường dùng những lối nói gián tiếp quy ước. Những kiểu kết cấu : « Chén son chưa cạn sao tình đã quên ? » ; « Sao em không gửi thư về thăm anh ? » ; « Anh sao ăn ở gât lường rủa anh ? » ,... là kiểu kết cấu của hành động hỏi - trách cứ. Hầu hết những bài ca dao than trách đều sử dụng kết cấu này mà ít sử dụng biểu thức ngữ vi với động từ trách như :

Cá sấu ai cá quạt lại đuôi

Như lan sâu huệ, như tôi sâu mình

Ngày sâu duyên, tối lại sâu tình

Nước mắt ra lai láng như bình nước nghiêng

Trách ai làm duyên phận đảo điên

Cùng với việc sử dụng lối nói gián tiếp quy ước, người nói còn thường xuyên sử dụng cách nói rào đón để giữ thể diện âm tính cho người nghe. Cách nói rào đón ấy có thể là nhắc lại những kỉ niệm :

Đêm qua khi lạnh khi lòng

Khi đắp áo ngắn, khi chung áo dài

Bây giờ mình đã nghe ai

Áo ngắn chẳng đắp, áo dài chẳng chung

Người vợ nhắc lại những kỉ niệm đẹp trong sự sẻ chia hạnh phúc giữa hai vợ chồng trước rồi mới nói về hiện tại phủ phàng để làm một đối sánh ngầm.

Đêm nằm gối gắm không êm

Gối lụa không mềm bằng gối tay em

Có thương có nhớ không em

Sao em chẳng lại, để anh mong đêm nhớ ngày

Chàng trai trong bài ca dao trên rào đón việc cô gái hờ hững bằng cách nói về sự ám áp, sự cần thiết có cô để hun đúc hạnh phúc: gồi tay em mềm và ấm thì mới yên giấc. Bằng cách nói này, sự căng thẳng trong trách móc, hờn giận giảm đi rõ rệt.

Lời nói gián tiếp và rào đón như trên giúp cho người nói thực hiện chiến lược lịch sự trong việc giữ thể diện âm tính cho người nghe là giảm thiểu sự áp đặt đối với anh ta. Để giảm thiểu sự áp đặt đó, người nói trước hết dùng đại từ phiếm chỉ “ai” để trút bỏ những lời than trách:

- *Đèn tàn nhìn bóng thở than*
Ai xui duyên dễ khiến mang nợ tình.
 - *Đàn Châu Tuấn ít ai biết gảy*
Sáo Tam Kỳ ít kẻ biết nghe
Ai cho trức nợ lộn tre
Ai đem chỉ gấm mà xe tìm đèn
Ai cho vàng đá đưa chen
Ai cho bèo nợ lộn sen một bồn

Đại từ phiếm chỉ “ai” giúp cho chủ thể trữ tình tránh được phiền phức của việc “chỉ mặt, đặt tên” nhưng vẫn hướng được lời than trách tới đối tượng. Đó là cách nói rất tế nhị, kín đáo, giữ thể diện cho đối tượng, và hơn hết là để bảo vệ thể diện của chính mình.

Việc đặt những câu hỏi bỏ ngõ để người nghe tự suy nghĩ, lựa chọn cũng là chiến lược lịch sự nhằm giảm sự áp đặt đối với người nghe và giảm tác động nặng nề của những lời than trách.

Dậy dậy là dậy nghe chim ò ho kêu, nghe chèo bẻo kẻ

Dậy là dậy mà nghe khuyến phê kê mình
Dậy là dậy nghe đây phân qua nói lại sự tình
Cớ làm sao bạn cứ mê ăn, mê ngủ, bỏ cuộc chung tình cho ai đây?

Câu hỏi “Cớ làm sao bạn cứ mê ăn, mê ngủ, bỏ cuộc chung tình cho ai đây?” tỏ rõ sự trách móc của chồng đối với người vợ đoảng, chỉ mê ăn, mê ngủ mà hờ hững với “cuộc chung tình”. Lời trách ấy hướng đến việc tác động đến suy nghĩ, hành động của người vợ hơn là việc đay nghiến, trách móc về những tật xấu của vợ: mê ăn, mê ngủ.

Như vậy, người than trách tuy có đe dọa thể diện dương tính của đối tượng nhưng vẫn tìm mọi cách để giữ thể diện âm tính cho họ, giảm

nhẹ tác động của những lời trách than tới đối tượng.

2.2. *Vài điều chú ý về văn hóa ứng xử trong hành vi hỏi – than trách*

*) Với tâm lý cộng đồng, người Việt rất thích giải bày, chia sẻ. Do đó, than thở chính là một cách để thể hiện những nỗi niềm trong lòng ra bên ngoài và mong muốn chia sẻ với mọi người.

*) Những lời than trách thường có xu hướng được giảm nhẹ bởi người Việt rất coi trọng tình nghĩa. Những người có lỗi với ta, ta sẵn sàng bao dung, bỏ qua, trách cứ chẳng qua cũng chỉ là nhẹ nhàng góp ý để rút kinh nghiệm lần sau. Mặt khác, trong phạm vi khảo sát thì những bài ca dao chứa hành vi hỏi – than trách đều nằm trong mảng đề tài tình yêu nam nữ và tình cảm vợ chồng. Như vậy, những đối tượng than trách đều là những người rất gần bó với người nói. Vì trọng tình nên người nói không gay gắt trước những khổ đau mà người khác gây cho mình nên chỉ trách cứ nhẹ nhàng, hướng vào việc lay động, thức tỉnh hành động của đối tượng hơn là việc chỉ trích.

*) Ở mảng đề tài tình yêu nam nữ, người than trách là nam và nữ có tỉ lệ tương đối đồng đều. Còn trong mảng đề tài tình cảm vợ chồng thì lời than trách chủ yếu là của người nữ. Và những bài ca dao than trách thuộc mảng đề tài tình yêu nam nữ nhiều hơn rất nhiều so với mảng đề tài tình cảm vợ chồng. Điều này cũng dễ lí giải. Trong tình yêu, cả hai phía bình đẳng với nhau và đều có nguy cơ bị tổn thương như nhau. Do đó, những lời than trách của người nam và người nữ khá đồng đều. Khi đã là vợ chồng, người chồng trong gia đình phong kiến có quyền uy hơn rất nhiều so với người phụ nữ. Những bất hạnh, vất vả thường người nữ phải gánh chịu nên tiếng than của người phụ nữ ở mảng đề tài tình cảm vợ chồng lại nổi lên khá rõ. Nhưng người phụ nữ trong gia đình Việt vốn là những người cam chịu, vì thế, những lời than trách của họ khiêm tốn hơn rất nhiều so với những lời than trách của những chàng trai, cô gái đang yêu.

*) Từ phương diện khác có thể thấy, người phương Đông có quan niệm số mệnh là do Trời sắp đặt. Những nỗi bất hạnh, cơ cực mà con người phải chịu, theo họ, là do ông Trời,

do số mệnh xui nên. Vì thế, khi trách than, họ cũng hướng tới những đối tượng vô hình đó. Lời than không hướng vào một đối tượng cụ thể mà là “ai”. Họ than “ai”, họ đổ lỗi cho “ai” và họ kết tội “ai”, kết tội số phận đã xui khiến nên nhân duyên ấy:

*Nghĩa tao khang ai đà vội dứt
Đêm nằm tám tức, lụy nhỏ tuôn rơi
Mấy lâu ni mang tiếng chịu lời*

Xa nhau ngàn dặm đời đời vẫn nhớ nhau

Như vậy, hành động than trách thường đi kèm với hành động giải bày, bày tỏ nỗi lòng, tình cảm. Người nói khi thì dùng cách nói trực tiếp để trách than đối tác, khi lại dùng cách nói gián tiếp để nhẹ nhàng trách cứ. Sự đe dọa thể diện của đối tác được thể hiện rất rõ trong những lời trách than ấy. Tuy nhiên, bằng việc sử dụng từ xưng hô thân hữu, bằng cách than rồi mới trách và bằng việc sử dụng hành vi hỏi để trách, chủ thể trữ tình đã cứu vãn thể diện cho đối tác, giảm nhẹ sự đe dọa thể diện đối với họ. Trách đấy nhưng vẫn thương, đó là đặc điểm tâm lý và lối sống trọng tình của người Việt.

4. Kết luận

Hành vi hỏi trong ca dao được sử dụng chủ yếu theo lối gián tiếp, nhằm hướng tới hiệu lực của những hành vi khác như: thăm dò, làm quen; giải bày, than trách; chê, châm biếm, gây cười; khuyên,... trong đó, hiệu lực của hành vi than trách chiếm tỉ lệ nhiều nhất.

Phép lịch sự là nét nổi bật trong văn hóa ứng xử của hành vi hỏi trong ca dao là lịch sự mang tính chiến lược chứ không phải là lịch sự chuẩn mực. Yếu tố khiêm nhường và khéo léo, tế nhị được thể hiện rất rõ trong chiến lược giao tiếp của chủ thể trữ tình trong ca dao thông qua hành vi hỏi. Dẫu có đe dọa hay làm tổn hại đến thể diện của người nghe như trong hành vi hỏi – than trách đi chăng nữa thì người nói vẫn tìm cách để bù đắp lại thể diện cho người nghe bằng cách giảm thiểu sự áp đặt, để người nghe vẫn có quyền tự do lựa chọn.

Những chiến lược lịch sự được sử dụng trong hành vi hỏi ở ca dao người Việt bị chi

phối bởi văn hóa ứng xử của người Việt. Những yếu tố thuộc về văn hóa ứng xử thể hiện ở đây là cái nếp của cả nền văn hóa, của tổ chức cộng đồng, trong đó nổi bật là lối sống trọng tình, quan tâm đến người khác, muốn được sẻ chia, giải bày tình cảm. Điều này giải thích vì sao hành vi hỏi trong ca dao người Việt lại chủ yếu được sử dụng gián tiếp và hành vi than trách lại chiếm tỉ lệ lớn như vậy trong phạm vi khảo sát của chúng tôi. Đồng thời, điều này cũng lí giải được vì sao người Việt thường chọn lối nói khiêm nhường, khéo léo, tế nhị và luôn tìm cách bù đắp thể diện cho người nghe, ngay cả khi chế giễu, trách cứ hay chê bai.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Đông, *Ngữ nghĩa - ngữ dụng câu hỏi chính danh (trên ngữ liệu tiếng Việt)* (1996), Luận án PTS Ngữ văn, Trường ĐHKH XH & NV- ĐHQGHN.
2. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, q.1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Phan Đăng Nhật, Nguyễn Xuân Kính (2001), *Kho tàng ca dao người Việt*, 2 tập, NXB Văn hóa-thông tin.
4. Hồ Lê (1976), *Tìm hiểu nội dung câu hỏi và cách thức thể hiện hỏi trong tiếng Việt hiện đại*, "Ngôn ngữ", s. 2.
5. Võ Đại Quang (2000), *Sơ sánh đối chiếu câu hỏi chính danh tiếng Anh và tiếng Việt trên bình diện ngữ nghĩa - ngữ dụng*, Luận án TS Ngữ văn, Trường đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội.
6. Đặng Thị Hảo Tâm (2003), *Cơ sở lý giải nghĩa hàm ẩn của các hành vi ngôn ngữ gián tiếp trong hội thoại*, Luận án TS Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.
7. Viện Ngôn ngữ học (Hoàng Phê chủ biên) (2006), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Đà Nẵng.
8. Hoàng Thị Yến (2011), *Cách phân loại câu hỏi trong tiếng Việt*, Hội thảo Nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt quốc tế lần thứ nhất, Hiệp hội Giảng dạy tiếng Việt quốc tế, Bình Châu.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 10-03-2013)